

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3040/BHXH-CNTT

*V/v đơn đốc triển khai giao dịch điện tử trong lĩnh vực thực
hiện chính sách BHXH*

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp và Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương năm 2017, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã thường xuyên nâng cao cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hỗ trợ tối đa để tăng tỷ lệ giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội (BHXH). Ngày 12/8/2019, BHXH Việt Nam đã thực hiện nâng cấp phần mềm Giao dịch điện tử BHXH nhằm hỗ trợ tốt hơn nữa các đơn vị sử dụng lao động trong khi thực hiện giao dịch điện tử BHXH và đáp ứng giao dịch điện tử BHXH với cá nhân quy định tại Nghị định số 166/2016/NĐ-CP, Quyết định số 846/QĐ-TTg. Theo đó, trường hợp cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH nhưng chưa được cấp chứng thư số thì được sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử do BHXH Việt Nam cấp.

Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ giao dịch điện tử trong lĩnh vực thực hiện chế độ BHXH của BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (BHXH các tỉnh) còn thấp. BHXH Việt Nam yêu cầu BHXH các tỉnh thực hiện khẩn trương, nghiêm túc các nội dung sau:

1. Triển khai giao dịch điện tử BHXH với cá nhân đối với các thủ tục được quy định tại Quyết định số 846/QĐ-TTg, cụ thể các thủ tục:

- Giải quyết hưởng BHXH một lần
- Giải quyết hưởng trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng ra nước ngoài để định cư
- Giải quyết hưởng chế độ tử tuất
- Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích
- Giải quyết di chuyển đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng và người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng từ tỉnh này đến tỉnh khác
- Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định số 613/QĐ-TTg

- Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg.

(Hướng dẫn chi tiết đăng tải tại địa chỉ <https://gddt.baohiemxahoi.gov.vn>)

2. Nâng cao tỷ lệ giao dịch điện tử thuộc lĩnh vực thực hiện chính sách BHXH để đến ngày **31/12/2019** đạt tỷ lệ tương đương với tỷ lệ giao dịch điện tử thuộc lĩnh vực tham gia BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm TNLĐ, BNN; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT. Đặc biệt là BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tỷ lệ thấp như chi tiết phụ lục gửi kèm theo công văn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị và Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo kịp thời về Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Trung tâm Công nghệ thông tin, điện thoại: 0243.7753944) để được hướng dẫn và phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Phó TGD Trần Đình Liệu;
- Phó TGD Đào Việt Anh;
- Các đơn vị: PC, CSXH;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phạm Lương Sơn

PHỤ LỤC

TỶ LỆ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ BHXH LĨNH VỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BHXH
(Gửi kèm Công văn số 3040/BHXH-CNTT ngày 20/8/2019 của BHXH Việt Nam)

STT	Đơn vị	Hồ sơ		Tỷ lệ
		Giao dịch điện tử	Tổng số	
1	BHXH Tp. Hà Nội	0	168.121	0,00%
2	BHXH Tỉnh Tiền Giang	122	54.799	0,22%
3	BHXH Tỉnh Lào Cai	78	18.257	0,43%
4	BHXH Tỉnh Bắc Giang	545	85.448	0,64%
5	BHXH Tỉnh Nam Định	266	39.831	0,67%
6	BHXH Tỉnh Hà Giang	27	3.887	0,69%
7	BHXH Tỉnh Long An	279	37.995	0,73%
8	BHXH Tỉnh Hà Nam	261	26.587	0,98%
9	BHXH Tỉnh Hòa Bình	350	18.533	1,89%
10	BHXH Tỉnh Vĩnh Phúc	1.536	69.942	2,20%
11	BHXH Tỉnh Hưng Yên	795	35.757	2,22%
12	BHXH Tỉnh Khánh Hòa	2.138	91.489	2,34%
13	BHXH Tỉnh Hải Dương	3.552	133.290	2,66%
14	BHXH Tỉnh Hậu Giang	1.570	54.706	2,87%
15	BHXH Tỉnh Lạng Sơn	362	10.981	3,30%

16	BHXXH Tỉnh Tuyên Quang	924	16.171	5,71%
17	BHXXH Tỉnh Bến Tre	3.140	54.872	5,72%
18	BHXXH Tỉnh Gia Lai	834	13.232	6,30%
19	BHXXH Tỉnh Bình Phước	7.870	85.231	9,23%
20	BHXXH Tỉnh Bắc Ninh	14.166	119.292	11,88%
21	BHXXH Tỉnh Thái Nguyên	13.979	108.016	12,94%
22	BHXXH Tỉnh An Giang	6.132	37.083	16,54%
23	BHXXH Tỉnh Bắc Kạn	927	4.637	19,99%
24	BHXXH Tỉnh Bình Dương	211.366	945.863	22,35%
25	BHXXH Tỉnh Đắk Lắk	4.361	19.264	22,64%
26	BHXXH Tp. Cần Thơ	8.287	25.495	32,50%
27	BHXXH Tỉnh Thanh Hóa	31.778	97.761	32,51%
28	BHXXH Tỉnh Ninh Bình	8.499	24.168	35,17%
29	BHXXH Tỉnh Đắk Nông	1.964	4.995	39,32%
30	BHXXH Tỉnh Quảng Bình	14.662	36.537	40,13%
31	BHXXH Tỉnh Cà Mau	7.123	17.351	41,05%
32	BHXXH Tp. Đà Nẵng	46.665	112.034	41,65%
33	BHXXH Tỉnh Sơn La	6.250	13.872	45,05%
34	BHXXH Tỉnh Đồng Nai	55.036	117.827	46,71%

35	BHXXH Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	16.810	35.633	47,18%
36	BHXXH Tỉnh Ninh Thuận	7.397	15.234	48,56%
37	BHXXH Tỉnh Hà Tĩnh	15.872	32.274	49,18%
38	BHXXH Tỉnh Bạc Liêu	6.171	11.991	51,46%
39	BHXXH Tỉnh Bình Định	19.270	36.730	52,46%
40	BHXXH Tỉnh Nghệ An	38.591	71.971	53,62%
41	BHXXH Tỉnh Kiên Giang	14.520	27.064	53,65%
42	BHXXH Tỉnh TT-Huế	14.893	27.411	54,33%
43	BHXXH Tỉnh Quảng Trị	11.426	19.645	58,16%
44	BHXXH Tỉnh Đồng Tháp	26.707	45.222	59,06%
45	BHXXH Tỉnh Trà Vinh	14.674	24.465	59,98%
46	BHXXH Tỉnh Lâm Đồng	16.314	25.386	64,26%
47	BHXXH TP Hải Phòng	131.906	201.526	65,45%
48	BHXXH Tỉnh Cao Bằng	7.713	11.662	66,14%
49	BHXXH Tỉnh Phú Yên	12.923	19.506	66,25%
50	BHXXH Tỉnh Sóc Trăng	24.262	33.918	71,53%
51	BHXXH Tỉnh Bình Thuận	30.981	42.709	72,54%
52	BHXXH Tỉnh Lai Châu	4.404	5.850	75,28%
53	BHXXH Tỉnh Phú Thọ	39.732	52.756	75,31%

54	BHXXH Tỉnh Kon Tum	7.243	9.435	76,77%
55	BHXXH Tỉnh Tây Ninh	112.771	141.272	79,83%
56	BHXXH Tỉnh Quảng Ngãi	44.290	54.920	80,64%
57	BHXXH Tỉnh Điện Biên	7.204	8.682	82,98%
58	BHXXH Tỉnh Quảng Nam	96.673	116.285	83,13%
59	BHXXH Tỉnh Vĩnh Long	60.145	68.796	87,43%
60	BHXXH Tỉnh Quảng Ninh	105.806	119.706	88,39%
61	BHXXH Tỉnh Yên Bái	35.568	39.649	89,71%
62	BHXXH Tỉnh Thái Bình	81.132	89.812	90,34%
63	BHXXH Tp. Hồ Chí Minh	84.196	84.690	99,42%